

Bản án số: 806/2024/HS-PT

Ngày 09/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình P, xét xử trực tuyến phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 617/2024/TLPT-HS ngày 10 tháng 7 năm 2024, do bị cáo Lê Trọng Điều kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2024/HS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình P.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Trọng Đ, sinh năm 1986, tại tỉnh Bình P;

Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: K p 9, phường Minh H, thị xã Chơn T, tỉnh Bình P; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; cha tên Lê Trọng Th (chết); mẹ tên Nguyễn Thị K, sinh năm 1949; vợ tên Lê Thị Kim H, sinh năm 1987; bị cáo có 02 con lớn sinh năm 2011 và nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2022 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Trọng Đ: Ông Đoàn Trọng Ng là Luật sư của Văn phòng Luật sư Đoàn Trọng Ng thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Ngoài ra, trong vụ án này còn có 11 bị hại khác không kháng cáo và liên quan đến kháng cáo (Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Trọng Đ là Giám đốc Công ty TNHH HD Group Việt tại xã Minh H, huyện Chơn T, tỉnh Bình P, chuyên kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản nên quen biết nhiều người có hoạt động mua bán bất động sản và biết thông tin các thửa đất của nhiều người tại địa bàn huyện Chơn T và huyện Hớn Q, tỉnh Bình P. Do Điều vay tiền của nhiều người, bị đòi nợ, biết rõ bản thân không có tài sản, đã mất khả năng trả nợ. Để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên vào khoảng tháng 9/2020, Điều đã nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCNQSDĐ) rồi sử dụng mang đi ký hợp đồng đặt cọc, hợp đồng thế chấp để chiếm đoạt tiền của người khác. Để thực hiện ý định, Điều sử dụng photocopy của Điều để làm giả 27 GCNQSDĐ, cụ thể: Cách 1: Dùng máy photocopy in màu phôtô trực tiếp cả hai mặt GCNQSDĐ đứng tên Lê Trọng Đ thành nhiều GCNQSDĐ giả; cách 2: Dùng máy photocopy in màu phôtô mặt trước GCNQSDĐ đứng tên Lê Trọng Đ, mặt trong Đ phôtô thông tin trong GCNQSDĐ của người khác thành nhiều GCNQSDĐ giả; cách 3: Dùng máy photocopy in màu phôtô trực tiếp cả hai mặt GCNQSDĐ đứng tên của người khác thành nhiều GCNQSDĐ giả. Từ tháng 09/2020 đến tháng 11/2022, Đ đã sử dụng 20 GCNQSDĐ giả do mình tự làm ra để ký hợp đồng đặt cọc, hợp đồng thế chấp chiếm đoạt tiền của nhiều người:

Vụ thứ nhất: Ngày 15/9/2020, Đ nhiều lần đến nhà gặp bà Lê Thị X, SN 1967 tại khu phố 9, phường Minh H, thị xã Chơn T để vay tiền, mỗi lần vay tiền thì Đ thế chấp 01 hoặc 02 GCNQSDĐ giả cho bà X cất giữ để làm tin. Do không biết là giả nên bà X đồng ý nhận giữ các GCNQSDĐ giả này và đưa tiền cho Đ; việc vay tiền có viết giấy vay, thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả, cụ thể: Lần 1 ngày 15/9/2020, Điều đưa 01 GCNQSDĐ giả cho bà X cất giữ để làm tin, bà X cho Đ vay số tiền 300 triệu đồng; lần 2 ngày 07/10/2020, Đ tiếp tục đưa 01 GCNQSDĐ giả cho bà X cất giữ, bà X cho vay 300 triệu đồng; lần 3 ngày 18/12/2021, Đ đưa 01 GCNQSDĐ giả cho bà X cất giữ, bà X cho vay 200 triệu đồng; lần 4 ngày 11/10/2021, Điều đưa 02 GCNQSDĐ giả cho bà X cất giữ, bà X cho vay 300 triệu đồng; lần 5 ngày 27/01/2022, Điều đưa 02 GCNQSDĐ giả cho bà X cất giữ, bà X cho vay 800 triệu đồng. Tổng cộng Điều đã thế chấp 07 GCNQSDĐ giả cho bà X, chiếm đoạt của bà X 1.900.000.000^d. Sau khi phát hiện các GCNQSDĐ mà Đ thế chấp đều là giả nên bà X đã làm đơn tố cáo Điều lừa đảo chiếm đoạt tài sản và giao nộp 07 GCNQSDĐ giả [BL 219-245]. Do các giấy vay tiền không ghi rõ thông tin, đặc điểm cụ thể GCNQSDĐ giả nào mà Đ thế chấp cho bà X nên không xác định được từng lần vay tiền Đ đã sử dụng GCNQSDĐ giả nào trong số 07 GCNQSDĐ giả mà bà X giao nộp. Các khoản vay nêu trên thì Đ đã đóng tiền lãi cho bà X đến tháng 6/2022, số tiền gốc 1.900.000.000^d đến nay chưa trả.

Vụ thứ 2: Cũng với thủ đoạn tương tự, Đ nhiều lần đến nhà anh Nguyễn Văn N, SN 1983, địa chỉ: khu phố 4, phường Minh H, thị xã Chơn T, tỉnh Bình P để vay tiền. Để anh Nh tin tưởng đưa tiền thì Đ dùng thủ đoạn gian dối đưa GCNQSDĐ giả và việc vay tiền được lập bằng hợp đồng đặt cọc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đối với GCNQSDĐ giả nêu trên. Do không biết các GCNQSDĐ mà Đ đưa là giả nên anh Nh nhiều lần đưa tiền cho Đ chiếm đoạt, cụ thể: Lần 1 vào tháng 09/2022 (không xác định được ngày), Đ đến nhà anh Nh đưa 01 GCNQSDĐ giả tên Lê Trọng Đ cho anh Nh cất giữ để làm tin, anh Nh đưa 200.000.000^d. Đến tháng 10/2022, Đ trả số tiền gốc 200.000.000^d và 9.000.000^d tiền lãi nhưng không lấy lại GCNQSDĐ giả đã đưa cho anh Nh trước đó. Lần thứ 2 ngày 26/10/2022, Đ đến nhà anh Nh tiếp tục đưa 01 GCNQSDĐ giả tên Lê Trọng Đ cho anh Nh cất giữ để làm tin. Anh Nh tưởng GCNQSDĐ là thật nên đưa 200.000.000^d cho Đ. Sau khi phát hiện 02 GCNQSDĐ mà Đ đưa là giả nên anh Nh đến Cơ quan Công an tố cáo Đ lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đã giao nộp 02 GCNQSDĐ giả nêu trên. Tổng số tiền gốc mà Đ chiếm đoạt của anh Nh là 400.000.000^d, đã trả 200.000.000^d, còn lại 200.000.000^d đến nay chưa trả [BL 246-258];

Vụ thứ 03: Cũng với thủ đoạn tương tự thì 21/9/2022, Đ đến nhà chị Trương Thị Th, SN 1983, địa chỉ: khu phố 9, phường Minh H, thị xã Chơn Th, tỉnh Bình Ph vay tiền. Để chị Th tin tưởng đưa tiền thì đưa 01 GCNQSDĐ giả mang tên Lê Trọng Đ cho chị Th cất giữ để làm tin. Do không biết GCNQSDĐ Đ đưa là giả nên chị Th đưa 400.000.000^d, thỏa thuận lãi xuất là 03%/tháng. Đ viết giấy vay tiền đưa chị Th cất giữ, thời hạn vay là 02 tháng. Đến thời hạn, Đ trả cho chị Th được 100.000.000^d, còn lại 300.000.000^d chưa trả. Sau khi Đ bị bắt, chị Th đã giao nộp GCNQSDĐ giả nêu trên cho cơ quan điều tra [BL 259-268];

Vụ thứ 04: Khoảng tháng 02/2022, Đ đưa cho chị Lê Thị N (chị gái Đ) 01 GCNQSDĐ giả đứng tên Lê Trọng Đ để nhờ chị N mang đi cầm cố vay tiền giúp. Do chị N không biết GCNQSDĐ Đ đưa là giả nên đồng ý mang đến gặp chị Lại Thị T, SN 1973, địa chỉ: khu phố 10, phường Minh H, thị xã Chơn T, tỉnh Bình P để vay tiền. Chị N đưa GCNQSDĐ giả trên cho chị T cất giữ để làm tin. Do cũng không biết GCNQSDĐ trên là giả nên chị T cho vay 200.000.000^d; việc vay tiền được lập bằng hợp đồng đặt cọc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đối với GCNQSDĐ nêu trên, chị N là người ký tên bên nhận tiền cọc. Số tiền vay được chị N đưa hết cho Đ, hàng tháng Đ đưa cho chị N 6.000.000^d để đóng tiền lãi cho chị T. Đến tháng 10/2022, Đ không có tiền nên chị N phải đóng tiền lãi suất thay Đ. Đến tháng 01/2023, chị N đã cân trừ lô đất của chị N đứng tên cho chị T để trả nợ số tiền mà chị N vay giúp Điều và chị Thu đã trả lại GCNQSDĐ giả đứng tên Lê Trọng Đ cho chị Nhiều [BL 324-333; 357];

Vụ thứ 05: Ngày 19/05/2022, Đ tiếp tục đưa cho chị Lê Thị N 01 GCNQSDĐ giả đứng tên Lê Trọng Đ để nhờ chị N mang đi cầm cố vay tiền giúp, chị N không biết GCNQSDĐ Điều đưa là giả nên đồng ý. Sau đó, chị N đến gặp chị Lê Thị Ng, SN 1974, địa chỉ: khu phố 10, phường Minh H, thị xã Chơn

T, tỉnh Bình P vay tiền. Chị Ng đồng ý cho vay nhưng phải có tài sản thế chấp, chị N cam kết sau khi chị Ng cho vay tiền sẽ đưa GCNQSDĐ trên để chị Ng cất giữ làm tin. Chị Ng tin là thật nên đồng ý cho chị N vay 300.000.000^d, chị Ng viết giấy vay, chị N ký tên bên người vay. Sau 02 ngày, Đ đến nhà chị N đưa GCNQSDĐ giả trên cho chị Ng, vì không biết GCNQSDĐ mà Đ đưa là giả nên chị Ng đã nhận cất giữ để làm tin. Số tiền vay được chị N đưa hết cho Đ, hàng tháng Đ đưa cho chị N 9.000.000^d để đóng tiền lãi cho chị Ng. Đến tháng 11/2022, Đ không có tiền đóng lãi nên chị N phải đóng tiền lãi suất thay Đ. Đến tháng 01/2023, chị N đã cán trừ lô đất (cùng 01 lô đất đã cán trừ cho chị T) đứng tên chị N cho chị Ng để trả nợ số tiền mà chị N vay giúp Đ và chị Ng đã trả GCNQSDĐ giả cho chị N, còn giấy vay chị N đã tiêu hủy [BL 324-333; 353-356];

Vụ thứ 06: cũng với thủ đoạn tương tự, Đ đã nhiều lần chiếm đoạt tiền của anh Lê Thanh Th, SN 1998, địa chỉ: khu phố 11, phường Minh H, thị xã Chơn T, tỉnh Bình P; các lần vay tiền thì Đ đều đưa GCNQSDĐ giả để làm tin, có thỏa thuận lãi xuất theo lãi suất ngân hàng, có lập hợp đồng vay tiền, thời hạn vay. Do không biết GCNQSDĐ Đ đưa là giả nên anh Th nhiều lần đưa tiền cho Đ chiếm đoạt, cụ thể: Lần 1 vào ngày 17/01/2022, Đ đến gặp anh Th tại Công ty “Thuận V” thuộc khu phố 3B, phường Minh H, thị xã Chơn T vay tiền. Đ đưa 01 GCNQSDĐ giả tên Lê Trọng Đ cho anh Th cất giữ để làm tin, anh Th đưa cho Đ 1.000.000.000^d; ngày 27/5/2022, Đ vay thêm số tiền 350.000.000^d; lần 2 vào ngày 27/6/2022, Đ đến gặp anh Th tại Công ty “Thuận V” vay tiền và cũng đưa 01 GCNQSDĐ giả tên Lê Trọng Đ cho anh Th cất giữ để làm tin, anh Th đưa cho Th vay 500.000.000^d. Tổng số tiền gốc Đ chiếm đoạt của anh Th là 1.850.000.000^d, đến nay chưa trả. Anh Th đã giao nộp 02 GCNQSDĐ giả cho cơ quan điều tra [BL 276-293];

Vụ thứ 07: Ngày 25/11/2021, do có mối quan hệ quen biết nên Đ đến gặp anh Đào Trường T, SN 1992, địa chỉ: khu phố 3B, phường Minh H, thị xã Chơn T, tỉnh Bình P vay tiền. Anh T đồng ý cho Đ vay 500.000.000^d; Đ là người viết giấy biên nhận vay tiền, có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả. Đến thời hạn không có tiền trả nên Đ đưa 01 GCNQSDĐ giả tên Nguyễn Thị Tuyết L cho anh T cất giữ để làm tin. Do không biết GCNQSDĐ Đ đưa là giả nên anh T đồng ý cho Đ gia hạn thêm thời hạn trả nợ, hàng tháng Đ đóng lãi suất cho anh T số tiền 25.000.000^d cho đến tháng 10/2022 thì ngừng đóng. Sau khi Đ bị bắt, anh T đã giao nộp GCNQSDĐ giả nêu trên cho cơ quan điều tra. Số tiền 500.000.000^d mà Đ chiếm đoạt đến nay chưa trả cho anh T [BL 269-275];

Vụ thứ 08: Ngày 23/11/2022, Đ đến gặp anh Đặng Thanh T, SN 1990, địa chỉ: tổ 9, khu phố 7, thị trấn Tân K, huyện Hớn Q, tỉnh Bình P vay tiền. Đ đưa 01 GCNQSDĐ giả tên Lê Trọng Đ cho anh T cất giữ để làm tin. Do không biết GCNQSDĐ Đ đưa là giả nên anh T đồng ý cho vay 100.000.000^d, Đ là người viết giấy vay có thời hạn vay và lãi suất vay. Đến ngày 26/11/2022, Đ vay thêm 50.000.000^d. Do tiền gốc vay trước chưa trả nên Đ viết lại giấy vay mới với số

tiền vay là 150.000.000^d có thời hạn vay, lãi suất và hủy giấy vay ngày 23/11/2022. Đến nay, Đ vẫn chưa trả số 150.000.000^d đã chiếm đoạt cho anh T. Anh T đã giao GCNQSDĐ giả trên cho cơ quan điều tra [BL 334-340].

Vụ thứ 09: Ngày 20/11/2022, anh Bùi Ngọc L, SN 1969, địa chỉ: khu phố 9, phường Minh H, thị xã Chơn T, tỉnh Bình P, ký hợp đồng đặt cọc nhận chuyển nhượng 01 lô đất có GCNQSDĐ giả tên Lê Trọng Đ; số tiền cọc là 100.000.000^d, giá chuyển nhượng là 600.000.000^d, thời hạn ký hợp đồng chuyển nhượng là ngày 20/01/2023. Sau khi Đ bị khởi tố, bắt giam thì anh L đã giao nộp GCNQSDĐ trên cho cơ quan điều tra. Đ chưa trả số tiền 100.000.000^d đã chiếm đoạt cho anh L [BL 317-323].

Vụ thứ 10: Ngày 21/12/2021, Đ đến gặp bà Nguyễn Thị L, SN 1964, địa chỉ: tổ 9, khu phố 7, thị trấn Tân K, huyện Hớn Q, tỉnh Bình P để vay tiền. Điều đưa 01 GCNQSDĐ giả tên Lê Trọng Đ và Lê Thị Kim H cho bà L cất giữ làm tin. Bà L tin tưởng GCNQSDĐ mà Đ đưa là thật nên đồng ý cho Đ vay 1.200.000.000^d, có viết giấy vay, thời hạn vay và lãi suất. Đến thời hạn trả nợ, Đ nói bà L đưa lại GCNQSDĐ để Điều chuyển nhượng cho người khác lấy tiền trả cho bà L. Sau đó, Đ đã trả được 400.000.000^d tiền gốc, nợ lại 800.000.000^d và Đ đưa 02 GCNQSDĐ giả tên Lê Trọng Đ cho bà L cất giữ để làm tin. Bà L không biết 02 GCNQSDĐ Đ đưa là giả nên đồng ý. Sau khi Đ bị bắt, nghỉ ngơi 02 GCNQSDĐ Đ đưa là giả nên bà L đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Đến nay Đ vẫn chưa trả số tiền 800.000.000^d còn lại cho bà L [BL 106-162; 342-346].

Vụ thứ 11: Vào khoảng đầu tháng 4/2022, Đ và chị Nguyễn Thị H, SN 1973, địa chỉ: khu phố 3A, phường Minh H, thị xã Chơn T, tỉnh Bình P cùng thỏa thuận góp vốn chung để mua đất bán kiếm lời. Chị H đưa 500.000.000^d cho Đ để cùng mua thửa đất số 210, tờ bản đồ số 21, địa chỉ thửa đất: ấp 3, xã Nha B, thị xã Chơn T, số vào sổ cấp GCN: CS 01863 của ông Đỗ Quốc Q với giá là 12.500.000.000^d, Đ là người ký hợp đồng đặt cọc với ông Q với số tiền 02 tỷ đồng; ngày 24/5/2022 phải thanh toán tiếp là 6.000.000.000^d; ngày 24/6/2022 sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng. Khoảng tháng 7/2022, chị H đưa thêm 1.000.000.000^d. Sau đó, do Đ không có tiền để thanh toán tiền mua đất nên không ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên được và vì vi phạm hợp đồng nên ông Q không trả lại số tiền cọc cho Đ. Ngày 14/9/2022, do không có tiền trả cho chị H nên Đ đề nghị viết giấy vay số tiền 1.500.000.000^d đã nhận của chị H, chị H đồng ý với điều kiện phải có tài sản thế chấp làm tin, Đ đã đưa 01 GCNQSDĐ giả tên Lê Trọng Đ cho chị H cất giữ để làm tin. Do không biết là giả nên chị H đồng ý cho Đ viết giấy vay, thỏa thuận lãi suất vay là 3%/tháng, thời hạn vay là cuối năm 2022. Sau đó, do nghỉ ngơi GCNQSDĐ Đ đưa là giả nên chị H đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Đến nay. Đ vẫn chưa trả số tiền 1.500.000.000^d cho chị H [BL 94-98; 347-352].

Quá trình điều tra, Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Tổng số tiền chiếm đoạt của 13 bị hại là 8.500.000.000^d; đã trả được 1.200.000.000^d (anh N 200 triệu; chị Thảo 100 triệu; chị T 200 triệu, chị Ng 300 triệu và bà Lọc

400 triệu); còn lại 7.300.000.000^d chiếm đoạt được của các bị hại nêu trên được Đ sử dụng vào việc trả nợ, đóng tiền lãi suất và tiêu xài cá nhân hết [BL 49-85; 99-104; 181-218; 421-1006.

Ngày 21/11/2023, Cơ quan CSĐT đã tiến hành thực nghiệm điều tra, cho bị can Đ sử dụng máy photocopy in màu thu tại phòng làm việc của Đ để thực nghiệm lại hành vi làm giả GCNQSDĐ, kết quả: Đ đã in ra được 03 bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có đặc điểm, thông tin giống với bản mẫu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi thực nghiệm điều tra thì bị can Đ thay đổi lời khai là không có hành vi trực tiếp làm các GCNQSDĐ, mà đã thuê một người có tài khoản là “yennguyen” trên ứng dụng Messenger làm gì với giá 02 GCNQSDĐ đầu tiên là 1.000.000đ/01 giấy, các GCNQSDĐ sau là 300.000đ/01 giấy, hình thức giao nhận qua shipper giao hàng. Lần đầu tiên Đ trả tiền thuê làm giả bằng cách đến ngân hàng Sacombank chi nhánh Chơn T chuyển tiền vào ví Momo qua số điện thoại (Điều không nhớ số điện thoại) của người có tài khoản “yennguyen”. Nội dung tin nhắn về việc thuê người có tài khoản “yennguyen” làm giả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Đ vẫn còn lưu trữ trên Messenger của máy điện thoại di động hiệu Samsung galaxy. Tuy nhiên, kết quả kiểm tra điện thoại di động hiệu Samsung galaxy nêu trên của Đ xác định trong danh bạ, tin nhắn, hình ảnh và cuộc hội thoại trên ứng dụng messenger không có tài khoản nào có tên là “yennguyen” và không có nội dung tin nhắn thể hiện Đ có cung cấp thông tin để thuê làm giả GCNQSDĐ. Do đó, việc khai thuê người có tài khoản là “yennguyen” trên ứng dụng Messenger làm giả các GCNQSDĐ là không có căn cứ [BL 394-420; 1021-1022].

Vật chứng thu giữ:

Ngày 20/12/2022, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Chơn T tiến hành khám xét nơi làm việc của Lê Trọng Đ thu giữ: 01 máy photocopy, nhãn hiệu Xerox, mã sản phẩm: J-A133; 06 giấy bìa cứng màu trắng; 01 con dao rọc giấy; 01 thanh sắt hình dạng hộp vuông; tạm giữ 03 điện thoại di động do Lê Trọng Đ giao nộp gồm: 01 điện thoại di động có nhãn hiệu Sam sung Galaxy Z Plip3, vỏ màu trắng; Số seri R5CT62BJXNL; 01 điện thoại di động có nhãn hiệu OPPO A93, vỏ màu xanh đen; 01 điện thoại di động có nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, vỏ màu vàng; Số seri G6TZK8KWN70K;

Cơ quan CSĐT Công an thị xã Chơn T tạm giữ: Ngày 19/12/2022, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Chơn T tạm giữ 07 GCNQSDĐ giả do anh Vũ Bá N giao nộp; ngày 20/12/2022, tạm giữ 07 GCNQSDĐ giả do bà Lê Thị X giao nộp; ngày 20/12/2022, tạm giữ 01 GCNQSDĐ giả do chị Trương Thị T giao nộp; ngày 21/12/2022, tạm giữ 02 GCNQSDĐ giả do anh Nguyễn Văn Nh giao nộp; ngày 20/3/2023, tạm giữ 02 GCNQSDĐ giả do chị Lê Thị N giao nộp; ngày 07/3/2023, tạm giữ 01 GCNQSDĐ giả do anh Đào Trường Th giao nộp (thông tin cụ thể từng thửa đất có bản kê kèm theo);

Công an thị trấn Tân K, huyện Hớn Q tạm giữ 03 GCNQSDĐ giả do bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trường Th (Công chứng viên VPCC Huỳnh Thanh T) giao nộp ngày 15/12/2022 (thông tin cụ thể từng thửa đất có bản kê kèm theo) [BL 146-154];

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình P tạm giữ: Ngày 13/4/2023, tạm giữ 02 GCNQSDĐ giả do anh Lê Thanh T giao nộp; ngày 10/5/2023, tạm giữ 01 GCNQSDĐ giả do anh Đặng Thanh T giao nộp; ngày 20/6/2023, tạm giữ 01 GCNQSDĐ giả do anh Bùi Ngọc L giao nộp (thông tin cụ thể từng thửa đất có bản kê kèm theo).

Kết luận giám định số 94 ngày 10/02/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình P: 17 GCNQSDĐ 17 do bà Lê Thị X, anh Nguyễn Văn Nh, chị Trương Thị Th và anh Vũ Bá N giao nộp gửi giám định ký hiệu A1-A17 là giả [BL 384-393].

Kết luận giám định số 143 ngày 27/3/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình P: 03 GCNQSDĐ đứng tên Lê Trọng Đ lần lượt có số vào sổ cấp giấy chứng nhận: Số CS18928; số CS06312 và số CS06313 - gửi giám định ký hiệu A1-A3 là giả [BL 141-162].

Kết luận giám định số 723 ngày 31/8/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình P: 07 mẫu in GCNQSDĐ do chị Lê Thị N, anh Lê Thanh Th, anh Đào Trường T, anh Đặng Thanh T và anh Bùi Ngọc L giao nộp gửi giám định ký hiệu A1-A7 là mẫu in giả [BL 374-381].

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2024/HS-ST ngày 04/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình P đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Trọng Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Trọng Đ Điều 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lê Trọng Đ 04 (bốn) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Xử phạt bị cáo Lê Trọng Đ 04 (bốn) năm tù về tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung cho cả ba tội là 21 (hai một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 20/12/2022.

Ngoài ra bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/6/2024 bị cáo Đ kháng cáo cho rằng bị cáo không có hành vi Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Căn cứ tài liệu Cơ quan điều tra thu thập đã thể hiện bị cáo Điều đã làm 27 Giấy CNQSDĐ giả, phù hợp với tài liệu, máy Photo thu giữ; sau này bị cáo khai báo do thuê người khác làm giả nhưng Cơ quan điều tra thu thập tài liệu do bị cáo cung cấp là không có cơ sở. Do đó, có căn cứ 27 Giấy CNQSDĐ giả là do bị cáo làm và Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là đúng tội; đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét hành vi, hậu quả, tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 04 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 04 năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là phù hợp. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tài liệu để làm cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Hồ Hoài Nhân bào chữa cho bị cáo Đ trình bày: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo 3 tội danh với mức hình phạt trên khung hình phạt là quá nghiêm khắc; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của luật sư, không bổ sung gì thêm. Bị cáo có lời nói sau cùng rất ăn năn, hối cải mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Trọng Đ đúng luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Bị cáo Đ cho rằng 27 GCNQSDĐ giả bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của nhiều người là do bị cáo Điều đã thuê một người có tài khoản là “yennguyen” trên ứng dụng Messenger làm với giá 02 GCNQSDĐ đầu tiên là 1.000.000đ/01 giấy, các GCNQSDĐ sau là 300.000đ/01

giấy, hình thức giao nhận qua shipper giao hàng. Lần đầu tiên Đ trả tiền thuê làm giả bằng cách đến ngân hàng Sacombank chi nhánh Chợ T chuyển tiền vào ví Momo qua số điện thoại (Đ không nhớ số điện thoại) của người có tài khoản “yennguyen”. Nội dung tin nhắn về việc thuê người có tài khoản “yennguyen” làm giả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Đ vẫn còn lưu trữ trên Messenger của máy điện thoại di động hiệu Samsung galaxy. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra đã kiểm tra điện thoại di động hiệu Samsung galaxy nêu trên của bị cáo Đ thì trong danh bạ, tin nhắn, hình ảnh và cuộc hội thoại trên ứng dụng messenger không có tài khoản nào có tên là “yennguyen” và không có nội dung tin nhắn thể hiện bị cáo Đ có cung cấp thông tin để thuê làm giả GCNQSDĐ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định lời khai sau này của bị cáo Đ cho rằng đã thuê người có tài khoản là “yennguyen” trên ứng dụng Messenger làm giả các GCNQSDĐ không có căn cứ là phù hợp.

[2]. Căn cứ lời khai của bị cáo Điều tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã thể hiện bị cáo Đ vay tiền của nhiều người, không có khả năng trả nợ và tiêu xài cá nhân nên khoảng tháng 9/2020, bị cáo Đ nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCNQSDĐ), để sử dụng ký hợp đồng đặt cọc, hợp đồng thế chấp chiếm đoạt tiền của người khác. Bị cáo Đ sử dụng GCNQSDĐ bản gốc đứng tên Lê Trọng Đ hoặc GCNQSDĐ bản gốc của người khác, bị cáo Đ dùng máy photocopy in màu tại nơi làm việc, thực hiện làm giấy tờ giả 27 GCNQSDĐ, các thửa đất tại huyện (nay là thị xã) Chợ T hoặc huyện Hớn Q, tỉnh Bình P; phù hợp với vật chứng thu giữ là 27 GCNQSDĐ giả, 01 máy photocopy, nhãn hiệu Xerox, mã sản phẩm: J-A133 in màu tại phòng làm việc của bị cáo Điều và kết quả thực nghiệm điều tra bị cáo Đ làm giả GCNQSDĐ có đặc điểm, thông tin giống với bản mẫu GCNQSDĐ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi của bị cáo tự sử dụng máy photo để cắt ghép làm giả 27 GCNQSDĐ để thực hiện tội phạm khác nên đã phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” tại điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng tội và căn cứ nhân thân, động cơ mục đích phạm tội và hậu quả đã gây ra, xét xử bị cáo Đ 4 năm tù là phù hợp.

[3]. Bị cáo Đ xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo làm giả 27 giấy tờ đất, sử dụng chiếm đoạt của 13 người bị hại, với tổng số tiền 8.500.000.000 đồng, đã bồi thường 1.200.000.000 đồng và đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đ 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đ 04 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và xử phạt bị cáo Đ 04 năm tù về tội sử dụng con dấu,

hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4]. Lời trình bày của bị cáo Đ không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bị cáo Điều phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Lê Trọng Đ; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2024/HS-ST ngày 04/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình P như sau:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Trọng Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Trọng Đ 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lê Trọng Đ 04 (bốn) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Xử phạt bị cáo Lê Trọng Đ 04 (bốn) năm tù về tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung cho cả ba tội là 21 (hai một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 20/12/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Lê Trọng Đ phải chịu 200.000 đồng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
 - VKSND cấp cao tại TP.HCM;
 - TAND tỉnh Bình P;
 - VKSND tỉnh Bình P;
 - Cục THADS tỉnh Bình P;
 - CA tỉnh Bình Phước;
 - Sở tư pháp tỉnh Bình Phước ;
 - Trại tạm giam Công an tỉnh Bình P
- (2) (để tổng đạt cho bc 1b);
- Lưu, NTTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý